

Bản án số: **560/2026/HS-ST**

Ngày: 16/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Lệ Thủy;
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Lê Thị Phương Nga; Bà Nguyễn Thị Việt;
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Tuyết Nhi - Thư ký Tòa án;
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 521/2026/HSST ngày 19/6/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 574/2026/QĐXXST-HS ngày 30/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội đối với các Bị cáo:

1. Họ và tên: Võ Thị Ngọc D; Sinh năm 1986; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Tổ A, phường P, thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở trước khi bị bắt: Số I P, phường P, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Võ Văn H; Con bà: Lê Thị T; Gia đình Bị cáo có 04 anh em, Bị cáo là con thứ ba; Chồng: Nguyễn Thế T1 (*Đã ly hôn*); Bị cáo có 01 con sinh năm 2018;

Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H;

2. Họ tên: Trần Quốc D1; Sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố V, phường Đ, thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở trước khi bị bắt: Số F ngõ C Bờ tây sông N, tổ dân phố số A, phường Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Quốc B; Con bà: Nguyễn Thu L; Gia đình Bị cáo có 02 anh em, Bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Phương H1; Bị cáo có 02 con (*Con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2023*); Bị cáo là Đảng viên Đ1 (*Đã bị xóa tên Đảng viên theo Quyết định số: 2401/QĐ/QU ngày 09/12/2024 của Quận ủy Bắc Từ Liêm - Đảng bộ Thành phố H*); Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam N, Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H;

(Các Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Chị Nguyễn Thị H2; Sinh năm 2003; CCCD số: 036303012505 do Cục C về TTXH – Bộ C1 cấp ngày 08/5/2023; Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Xóm H, xã H, tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ nơi ở: Số A B, phường K, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 09/4/2026, anh Nguyễn Văn B1 (Sinh năm 2003; Nơi thường trú: Thôn G, xã H, tỉnh Ninh Bình) điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS: 18H1-495.89 chở bạn gái là chị Nguyễn Thị H2 (Sinh năm 2003; Nơi thường trú: Xã H, tỉnh Ninh Bình) ngồi sau xe máy đi đến khu vực đường X, phường C, thành phố Hà Nội. Khi anh B1 điều khiển xe máy đến cách điểm quay đầu khoảng 10-15 mét (nút quay đầu để sang Trung tâm thương mại A) để sang phía đường X hướng Hồ Tùng M, anh B1 có bật xi nhan trái vượt bên phải qua xe máy nhãn hiệu Honda SH Mode, màu trắng, BKS: 29AD-343.40 đi cùng chiều do Trần Quốc D1 điều khiển chở Võ Thị Ngọc D ngồi sau, nhưng hai xe máy chưa va chạm nhau. Ngay lúc này, D1 điều khiển xe máy đuổi theo đến ngang xe máy của anh B1 và hỏi tại sao lại đi thế thì anh B1 chửi D1. Sau đó cả hai cùng điều khiển xe quay đầu, xe anh B1 đi trước nên D1 điều khiển xe đuổi theo được khoảng 80m thì vượt lên áp sát vào bên phải chặn trước đầu xe của anh B1 tại khu vực dưới lòng đường, cách vỉa hè khoảng 01 mét trước Trung tâm tiệc cưới số 122 - A X, phường C, Hà Nội. D1 yêu cầu anh B1 dừng xe lại để nói chuyện. Khi dừng xe, D1 và D xuống xe, đi về phía anh B1 hỏi: "Tại sao mày chửi tao, mày muốn gì, mày thích gì". Anh B1 trả lời: "Em xi nhan sang đường đằng hoàng". D1 tiếp tục nói: "Sang đường bật xi nhan như vậy là được à, cứ sang đường xi nhan và tạt đầu à". Anh B1 nói lại: "Tôi xi nhan sang đường bình thường không có va chạm gì". Thấy vậy, anh B1 bảo chị H2 lấy máy điện thoại ra quay lại sự việc để làm bằng chứng. Chị H2 tháo mũ bảo hiểm màu đen, kiểu dáng lưới trai ra cầm trên tay, tay còn lại cầm điện thoại để quay video sự việc. Lúc này anh B1 và D1 tiếp tục có lời nói to tiếng cãi nhau, D tiến lại chỗ chị H2 giằng lấy chiếc mũ bảo hiểm và điện thoại để chị H2 không quay nữa. Khi D giằng được chiếc mũ bảo hiểm thì bị ngã nên D túm vào áo của chị H2 làm áo của chị H2 bị rách ở phần cổ. Lúc này người dân đi đường vào can ngăn đẩy chị H2 và D ra. Sau đó, anh B1 yêu cầu D1 và D phải đền áo cho chị H2. D1 tiến lại phía anh B1, tay chấp phía sau, dùng ngực húc vào người anh B1 khiêu khích và nói: "Địt mẹ mày, mày chửi ai". Cùng lúc đó, D nói thách thức chị H2 gọi Công an. Do bức xúc vấn đề chị H2 cầm điện thoại quay về phía D nên D dùng tay phải đã cầm sẵn mũ bảo hiểm màu đen của chị H2 đập 01 phát vào đầu chị H2 gây chảy máu đầu, anh B1 chạy đến can ngăn và đẩy D ra và giữa hai bên tiếp tục cãi nhau, D ném chiếc mũ bảo hiểm sang phía giải phân cách giữa đường. Chị H2 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện A1 - Bộ C1. Sau khi nhận được tin báo, Công an phường C đến hiện trường mời những người liên quan về làm việc.

Cơ quan Công an đã tiến hành tạm giữ của Võ Thị Ngọc D: 01 mũ bảo hiểm màu đen không nhãn hiệu đã qua sử dụng, rách phần quai mũ; Tạm giữ của Trần Quốc D1: 01 xe máy Honda SH mode, màu trắng, BKS: 29AD-343.40 mang tên chủ xe: Võ Thị Ngọc D;

Tại Bản kết luận sơ bộ giám định pháp y thương tích của Trung tâm P - Sở Y ngày 10/4/2026, xác nhận sơ bộ về kết luận giám định pháp y thương tích trường hợp bà Nguyễn Thị H2; Sinh năm 2003; Địa chỉ: Xã H, tỉnh Ninh Bình có những tổn thương sau:

"1. Vết thương vùng đỉnh lệch phải: 01%;

2. Hiện chưa đánh giá được hết mức độ di chứng, biến chứng của tổn thương. Đề nghị giám định bổ sung sau.

- Tạm thời đánh giá tỷ lệ tổn hại sức khỏe của bà Nguyễn Thị H2 là 01% (Một phần trăm).

- Cơ chế hình thành thương tích: Do vật tày có cạnh gây ra."

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định trưng cầu Trung tâm P giám định thương tích đối với chị Nguyễn Thị H2. Ngày 15/4/2026, chị H2 có đơn từ chối giám định thương tích và xin rút tố giác đối với hành vi: "Cố ý gây thương tích" của Võ Thị Ngọc D.

Tại Cơ quan Công an, Trần Quốc D1 và Võ Thị Ngọc D khai nhận hành vi của D1 và D như trên.

Tại Cáo trạng số: 283/CT-VKSKV4 ngày 18/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội truy tố Bị cáo Võ Thị Ngọc D và Trần Quốc D1 về tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

"Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...

b) Dùng ...hung khí ..."

Tại phiên toà: Bị cáo Võ Thị Ngọc D và Trần Quốc D1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của các Bị cáo và xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội truy tố các Bị cáo về tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi các Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các Bị cáo sau khi phạm tội đã rất ăn năn hối lỗi về hành vi bột phát của các Bị cáo và cam kết không tái phạm. Các Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các Bị cáo được hưởng lượng khoan

hồng của pháp luật, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng là bài học sâu sắc cho các Bị cáo để trở thành công dân tốt cho xã hội.

Luận tội của Kiểm sát viên: Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo Võ Thị Ngọc D và Trần Quốc D1, Kiểm sát viên đã kết luận: Giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo Võ Thị Ngọc D và Trần Quốc D1 về tội: “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo như sau:

Bị cáo Võ Thị Ngọc D và Trần Quốc D1 trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội; Sau khi phạm tội các Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự; Bị cáo D có hoàn cảnh khó khăn (*Là mẹ đơn thân một mình nuôi con do vợ chồng đã ly hôn*), đề nghị Hội đồng xét xử cho Bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo D1 có thành tích xuất sắc trong công tác, được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, đề nghị Hội đồng xét xử cho Bị cáo D1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các Bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự và đều có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, không cần phải bắt các Bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho các Bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao các Bị cáo về UBND nơi các Bị cáo cư trú để giám sát giáo dục các Bị cáo trong thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục các Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 318; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bị cáo D mức án từ 30 đến 34 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án; Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 318; Điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bị cáo D1 mức án từ 26 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 52 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án; Căn cứ vào Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Do các Bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho Bị cáo D và D1, nếu các Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác và giao các Bị cáo được hưởng án treo về UBND xã/phường nơi các Bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không;

Về trách nhiệm dân sự: Chi H2 không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu tiêu hủy vật chứng là công cụ phạm tội của các Bị cáo không có giá trị gồm có: 01 (Một) mũ bảo hiểm màu đen không nhãn hiệu đã qua sử dụng, rách phần quai mũ (*Tạm giữ của Võ Thị Ngọc D*); Đối với 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda SH mode, màu trắng, BKS: 29AD-343.40 mang tên chủ xe: Võ Thị Ngọc D và 01 (Một) BKS: 29AD-343.40: Xác định chiếc xe máy nêu trên không phải là phương tiện các Bị cáo sử dụng vào việc phạm tội theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Trả lại chiếc xe máy nêu trên và 01 (Một) BKS: 29AD-343.40 cho Bị cáo Võ Thị Ngọc D là chủ sở hữu chiếc xe máy nêu trên (tạm giữ của Bị cáo D) nhưng không phải là vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các Bị cáo: Lời khai nhận tội của Bị cáo Võ Thị Ngọc D và Trần Quốc D1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các Bị cáo tại Cơ quan điều tra và lời khai của Bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định: Ngày 09/4/2026, tại khu vực trước số A - 124 đường X, phường C, thành phố Hà Nội, do mâu thuẫn trong quá trình tham gia giao thông, Võ Thị Ngọc D và Trần Quốc D1 đã có hành vi xô đẩy, chửi bới anh Nguyễn Văn B1, D có hành vi cầm mũ bảo hiểm đánh gây thương tích chị Nguyễn Thị H2 tại nơi công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho quần chúng nhân dân, mất trật tự tại địa phương.

Hành vi nêu trên của Bị cáo Võ Thị Ngọc D và Trần Quốc D1 đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội đã truy tố Bị cáo Bị cáo Võ Thị Ngọc D và Trần Quốc D1 về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây rối trật tự nơi công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Các Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, các Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Võ Thị Ngọc D và Trần Quốc D1 trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; Sau khi phạm tội các Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự; Bị cáo D có hoàn cảnh khó khăn (*Là mẹ đơn thân một mình nuôi con do vợ chồng đã ly hôn*) nên Bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo D1 có thành tích xuất sắc trong công tác, được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba nên

Bị cáo D1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các Bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các Bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, tại phiên tòa, các Bị cáo đều rất ăn năn hối cải về hành vi của các Bị cáo vì bột phát, không làm chủ được bản thân đã gây rối trật tự nơi công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân, hậu quả là các Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, là bài học sâu sắc đối với các Bị cáo để các Bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội. Căn cứ quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét thấy các Bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo không cần phải bắt các Bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho các Bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao các Bị cáo về UBND nơi các Bị cáo cư trú để giám sát giáo dục các Bị cáo trong thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục các Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” của các Bị cáo với vai trò đồng phạm giúp sức cho nhau, Bị cáo D tích cực thực hiện hành vi phạm tội hơn Bị cáo D1 nên áp dụng mức hình phạt đối với Bị cáo D cao hơn Bị cáo D1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với mức hình phạt áp dụng đối với các Bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các Bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử nhận thấy các Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thật sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của các Bị cáo nên xem xét cho các Bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, bảo đảm tính nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội, áp dụng mức hình phạt đối với các Bị cáo thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không;

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu tiêu hủy vật chứng là công cụ phạm tội của các Bị cáo không có giá trị gồm có: 01 (Một) mũ bảo hiểm màu đen không nhãn hiệu đã qua sử dụng, rách phần quai mũ (*Tạm giữ của Võ Thị Ngọc D*);

Đối với 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda SH mode, màu trắng, BKS: 29AD-343.40 mang tên chủ xe: Võ Thị Ngọc Diệp: Hội đồng xét xử nhận thấy chiếc xe máy nêu trên các Bị cáo sử dụng để tham gia giao thông, không phải là phương tiện phạm tội gắn liền với hành vi “*Gây rối trật tự công cộng*” của các Bị cáo, do đó không có căn cứ xác định chiếc xe máy nêu trên là phương tiện phạm tội theo quy

định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Trả lại Bị cáo Võ Thị Ngọc D là chủ sở hữu chiếc xe máy nêu trên và 01 (Một) BKS: 29AD-343.40 (tạm giữ của Võ Thị Ngọc D) nhưng không phải là vật chứng, là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H2 không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về hành vi/Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Bị cáo, Bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi/Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi/Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[9] Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Ngọc D và Trần Quốc D1 phạm tội: “Gây rối trật tự công cộng”;

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 318; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Ngọc D 28 (Hai mươi tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56 (Năm mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án;

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 318; Điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc D1 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án;

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho Bị cáo Võ Thị Ngọc D và Trần Q D1, nếu các Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác (Các Bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo);

Giao Bị cáo Võ Thị Ngọc D cho UBND phường P, thành phố Hà Nội; Giao Bị cáo Trần Quốc D1 cho UBND phường Đ, thành phố Hà Nội, để giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, D a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy vật chứng là công cụ phạm tội của các Bị cáo nhưng không có giá trị gồm có: 01 (Một) mũ bảo hiểm màu đen không nhãn hiệu đã qua sử dụng, rách phần quai mũ (*Tạm giữ của Võ Thị Ngọc D*); Trả lại Bị cáo Võ Thị Ngọc D: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda SH mode, màu trắng, BKS: 29AD-343.40 (xe đã qua sử dụng) và 01 (Một) BKS: 29AD-343.40, tạm giữ của Võ Thị Ngọc D nhưng không phải là vật chứng.

(Có đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 571 ngày 30/6/2026 tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 4 – Hà Nội).

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Bị cáo D và D1, mỗi Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các Bị cáo; Bị hại;
- VKSND KV4 – Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- Phòng THADS KV4 – Hà Nội;
- Bộ phận THAHS TAND KV4 – Hà Nội;
- UBND P.Đông Ngạc & UBND
- Phú Diễn, TP . Hà Nội;
- Lưu HS - VP.

Đỗ Thị Lệ Thủy